UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **BAN DÂN TỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/BDT-CSDT V/v báo cáo danh sách xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	*Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 01năm 2022*

Kính gửi:
- Ủy ban Dân tộc;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 04/UBND-KGVX ngày 04/01/2022 về việc rà soát xã đạt chuẩn nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ban Dân tộc đã phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, tổng hợp và báo cáo danh sách các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới,như sau:

- Tổng số xã, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo kết quả phân định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ của tỉnh là 61 xã, thị trấn. Trong đó có: 06 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 52 xã khu vực III.

- Tổng số xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo kết quả phân định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ của tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới *(tính đến thời điểm 31/12/2021)* là 06 xã. Trong đó có: 03 xã khu vực I, 02 xã khu vực II, 01 xã khu vực III.

(có biểu tổng hợp danh sách các xã kèm theo)

Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáoỦy ban Dân tộc và Ủy ban nhân tỉnh./.

Nơi nhận: - Như trên; - Các Sở: NN và PTNT, LĐ-TB&XH; - Lãnh đạo Ban; - Các phòng thuộc Ban; - Lưu: VT. CSDT	**KT. TRƯỞNG BAN** **PHÓ TRƯỞNG BAN** **Nguyễn Thế Nhân**

BIỂU TỔNG HỢP DANH SÁCH XÃ THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Công văn số: 11/BDT-CSDT ngày 07/01/2022 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên huyện	Tên xã	Thuộc khu vực	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Đạt chuẩn NTM	Ghi chú
I	**Ba Tơ**					
1		Ba Cung	II	2,36	Năm 2020	Số 852/QĐ-UBND ngày 15/6/2021
II	**Minh Long**					
2		Long Sơn	I	3,12	Năm 2019	Số 91/QĐ-UBND ngày 17/01/2020
3		Thanh An	III	3,42	Năm 2020	Số 301/QĐ-UBND ngày 02/3/2021
III	**Sơn Hà**					
4		Sơn Hạ	II	3,06	Năm 2020	Số 293/QĐ-UBND ngày 02/3/2021
5		Sơn Thành	I	3,31	Năm 2019	Số 95/QĐ-UBND ngày 17/01/2020
IV	**Tư Nghĩa**					
6		Nghĩa Sơn	I	1,65	Năm 2016	2606/QĐ-UBND ngày 14/12/2016